

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 10 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và ông Dương Quốc Phòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện BỐ TRẠCH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BỐ TRẠCH tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/12/2024 và ngày 10/01/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2024/HSST ngày 03/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST - HS ngày 17/12/2024, đối với bị cáo: **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 16 tháng 7 tháng 1977 tại BỐ TRẠCH, Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Tân Nẫm, xã Cự Nẫm, huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Khuynh (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hoa; có chồng Lê Mạnh Hà (đã ly hôn tháng 11/2024) và có 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 29/7/2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Đinh Thị H, sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn Thanh Lộc, xã Sơn Lộc, huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Tân Nẫm, xã Cự Nẫm, huyện BỐ TRẠCH, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 31, diện tích 125,5m², địa chỉ thị trấn Hoàn Lão, huyện BỐ TRẠCH do anh Trần Ngọc Quang, sinh năm 1991; trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Hoàn Lão, huyện BỐ TRẠCH làm chủ sở hữu từ năm 2016. Từ đó cho đến nay anh Quang không rao bán mảnh đất trên. Tháng 10/2023, thông qua mối quan hệ xã

hội Nguyễn Thị M làm quen với chị Đinh Thị H. Do bản thân đang cần tiền phục vụ nhu cầu cá nhân nên Nguyễn Thị M đến gặp chị Đinh Thị H và nói dối bản thân Mơ có thửa đất 290, đường ra hồ Bàu Ri, mặt tiền Quốc lộ 1A, ở thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch và đang muốn bán với giá 1.600.000.000 đồng. Mơ dẫn chị Hậu trực tiếp đi xem đất và chỉ vị trí thửa đất số 290, tờ bản đồ số 31 cho chị Hậu xem và nói đây là thửa đất của Mơ và đang muốn bán. Chị Hậu thấy thửa đất đẹp nên rủ anh Nguyễn Duy Cường cùng chung tiền mua. Anh Cường và chị Hậu đồng ý mua thửa đất nói trên của Mơ với giá 1.600.000.000 đồng. Sau khi thoả thuận được việc mua bán thửa đất trên cho chị Hậu và anh Cường, ngày 06/10/2023 Mơ đến gặp anh Cường và chị Hậu yêu cầu mượn 25.000.000 đồng với lý do để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên. Anh Cường đồng ý và đưa cho Mơ 25.000.000 đồng. Ngày 07/10/2023, Mơ viết “Giấy cam kết tặng đất” đối với thửa đất số 290 cho anh Cường và chị Hậu để làm tin. Với thủ đoạn đó, từ ngày 07/10/2023 đến ngày 23/12/2023 lấy lý do mượn tiền để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất, Mơ đã nhiều lần yêu cầu mượn tiền chị Hậu và anh Cường để chiếm đoạt. Cụ thể: ngày 11/10/2023, chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 3.000.000 đồng; ngày 14/10/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 4.000.000 đồng; ngày 16/10/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 18.000.000 đồng; ngày 17/10/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 20.000.000 đồng; ngày 18/10/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 1.000.000 đồng; ngày 22/10/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 30.000.000 đồng; ngày 27/10/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn tổng 35.000.000 đồng; ngày 05/11/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 10.000.000 đồng; ngày 16/11/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 41.000.000 đồng; ngày 23/11/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 5.000.000 đồng; ngày 25/11/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 5.200.000 đồng; ngày 23/12/2023 chị Hậu chuyển khoản cho Mơ mượn 3.300.000 đồng. Chị Hậu đã đưa cho Mơ tổng số tiền 175.500.000 đồng. Ngày 05/12/2023 anh Cường đưa cho Mơ mượn 25.000.000 đồng và Mơ viết “Đơn vay tiền của anh Cường”. Tổng số tiền anh Cường đưa cho Mơ là 50.000.000 đồng. Một thời gian sau, chị Hậu và anh Cường phát hiện Mơ không phải chủ sở hữu thửa đất 290, đường ra hồ Bàu Ri, mặt tiền quốc lộ 1A ở thị trấn Hoàn Lão và đến nói với Mơ. Mơ cũng thừa nhận với anh Cường, chị Hậu thửa đất 290, đường ra hồ Bàu Ri, mặt tiền quốc lộ 1A ở thị trấn Hoàn Lão không phải của mình và ngày 08/4/2024 Mơ viết 01 “giấy Cam Kết trả tiền: trước đó đã lừa dối chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Duy Cường” và cam kết đến ngày 09/5/2024 sẽ trả toàn bộ số tiền mà Mơ đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị Hậu và anh Cường nhưng không trả. Tổng số tiền mà Mơ chiếm đoạt của chị Hậu và anh Cường là 225.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng, gồm: 01 tờ giấy khổ A4, trên một trang giấy có in hình ảnh có dạng bản đồ quy hoạch, tại ô có in dòng chữ “ODT 290 125.5” có chữ viết “Nguyễn Thị M”; 01 tờ giấy khổ A4, trên một trang giấy có in hình ảnh có dạng bản đồ quy hoạch, trên trang giấy có chữ “ODT 290 125.5” có chữ viết “Ký Nguyễn Thị M”; 01 tờ giấy khổ A4, trên một trang giấy có in hình ảnh có dạng bản đồ quy hoạch đất xung quanh hồ Bàu Ri, trên trang giấy có chữ viết “Mơ”; 01 bản gốc “Đơn vay tiền của anh Cường” đề ngày 05/12/2023; 01 bản gốc “giấy Cam Kết trả tiền vv: trước đó đã lừa dối chị Đinh Thị

H, và anh Nguyễn Duy Cường” đề ngày 08/4/2024; 01 bản gốc “GIẤY ĐÃ CÁN KẾT TẶNG ĐẤT” đề ngày 07/10/2023. Hiện đang lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại chị Đinh Thị H yêu cầu bị cáo Mơ bồi thường lại số tiền 175.500.000 đồng; anh Nguyễn Duy Cường yêu cầu bị cáo Mơ bồi thường lại số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 16/11/2024, bị cáo Mơ đã bồi thường 150.000.000 triệu đồng cho chị Hậu và 50.000.000 đồng cho anh Cường. Số tiền còn lại 25.500.000 đồng nhưng chị Hậu yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 25.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 102/CT-VKSBT ngày 30 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: xử phạt Nguyễn Thị M từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án; đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 tờ giấy khổ A4 và 01 bản gốc “Đơn vay tiền của anh Cường”; 01 bản gốc “giấy Cam Kết trả tiền vv: trước đó đã lừa dối chị Đinh Thị H, và anh Nguyễn Duy Cường” là vật chứng vụ án có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 [Bộ luật dân sự](#): Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải bồi thường cho chị Đinh Thị H số tiền 25.000.000 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo, đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trách đã truy tố và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tại lời nói sau cùng, bị cáo trình bày đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, bị cáo rất ăn năn hối hận, hiện bị cáo đang nuôi con nhỏ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại anh Nguyễn Duy Cường và chị Đinh Thị H nhưng quá trình điều tra đã có lời khai của những bị hại và hiện chị Hậu, anh Cường đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị M đều thống nhất khai nhận: Do cần tiền để phục vụ nhu cầu cá nhân nên Nguyễn Thị M nảy sinh ý định đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách nói dối bản thân có thửa đất số 290, tờ bản đồ 31 tại thị trấn Hoàn Lão đang muốn bán nên trong khoảng thời gian từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2023, Nguyễn Thị M đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của chị Đinh Thị H số tiền 175.500.000 đồng và của anh Nguyễn Duy Cường số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền mà M chiếm đoạt của hai bị hại là 225.500.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Nguyễn Thị M đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra trong vụ án này thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa từng bị tiền án, tiền sự, hiện có con còn nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường phần lớn thiệt hại chi bị hại và được bị hại làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của anh Cường và chị Hậu, mỗi lần chiếm đoạt đều đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm có đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo, đồng thời đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, hiện gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Các tài liệu thu giữ có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Đinh Thị H yêu cầu bị cáo Mơ bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo Mơ đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 [Bộ luật dân sự](#), buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hậu số tiền nêu trên.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

[10] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 [Bộ luật dân sự](#); khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Phạt bị cáo Nguyễn Thị M 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Thị M.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải bồi thường cho chị Đinh Thị H số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Công an huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Quốc Tân